

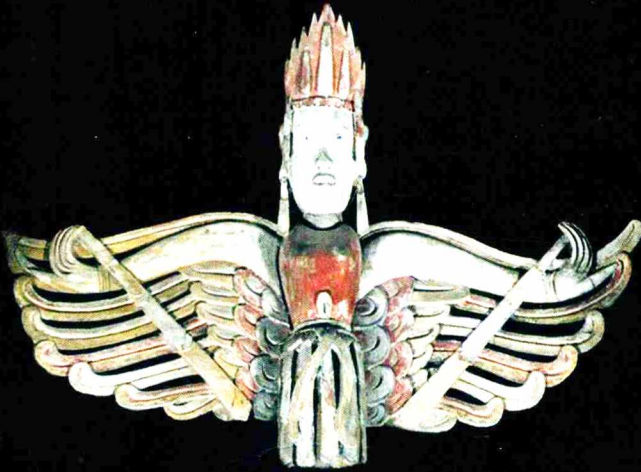


Vũ Từ Trang

NGHỀ CỒ NƯỚC VIỆT

TỪ TRUYỀN THỐNG ĐẾN HIỆN ĐẠI

(Nghiên cứu văn hóa)



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Vũ Từ Trang

NGHỀ CỎ
NƯỚC VIỆT
TỪ TRUYỀN THỐNG ĐẾN HIỆN ĐẠI

(Nghiên cứu văn hóa)

Tranh: Henri Oger

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Vũ Từ Trang

Nghề cổ nước Việt, từ truyền thống đến hiện đại : Nghiên cứu văn hóa
Vũ Từ Trang. - H. : Phụ nữ, 2019. - 700tr. ; 21cm

ISBN 9786045670354

1. Làng nghề truyền thống 2. Làng nghề thủ công
3. Việt Nam 680.9597 - dc23 PNM0143p-CIP'

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ VIỆT NAM

39 Hàng Chuối - Hà Nội.

ĐT: (024) 39717979 - 39717980 - 39710717 - 39716727 - 39712832.

FAX: (024) 39712830

E-mail: nxbphunu@vnn.vn

Website: www.nxbphunu.com.vn

Chi nhánh:

16 Alexandre de Rhodes - Q. I - TP Hồ Chí Minh. ĐT: (028) 38234806

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

KHÚC THỊ HOA PHƯỢNG

Biên tập: Nguyễn Thị Ánh Ngân

Bìa: Ngô Xuân Khôi

Trình bày: Phạm Phượng - Minh Khang

Sửa bản in: Thùy Dung

In 2.200 cuốn khổ 14.5x20.5cm tại Công ty CP In Viễn Đông. Địa chỉ:
Km 19+400, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Giấy xác
nhận KHXB số: 4999-2019/CXBIPH/20-64/PN ký ngày 2/10/2019. Giấy
QĐXB số: 1149/QĐ-PN. In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2019.

MỤC LỤC

Đôi điều suy nghĩ về nghề thủ công Việt Nam	7
1. Nghề gốm và các làng gốm.....	15
2. Nghề trồng dâu, chăn tằm, dệt vải.....	55
3. Nghề rèn.....	97
4. Nghề đúc đồng.....	125
5. Nghề chạm vàng chạm bạc	155
6. Nghề làm cày bừa	183
7. Nghề làm nón.....	203
8. Nghề tre đan, song mây.....	225
9. Nghề làm giấy.....	253
10. Nghề làm lược.....	277
11. Nghề làm quạt.....	291
12. Nghề sơn then, sơn thếp, sơn mài	319
13. Nghề làm pháo.....	343
14. Nghề làm tranh dân gian.....	361

15. Nghề chạm khắc đá.....	393
16. Nghề mộc, nghề chạm khắc gỗ.....	417
17. Nghề dệt chiếu cói.....	453
18. Nghề làm mảnh trúc, mảnh tre, mảnh cọ.....	473
19. Nghề làm đồ chơi.....	491
20. Nghề làm đường mật, bánh kẹo.....	517
21. Nghề làm hương xạ, hương trầm.....	557
22. Nghề đóng thuyền.....	575
23. Nghề chế biến thực phẩm.....	597
24. Nghề làm đồ gia dụng.....	635
25. Nghề làm vật liệu, cơ khí.....	677
Lời bạt - Phan Cẩm Thượng.....	695

ĐÔI ĐIỀU SUY NGHĨ VỀ NGHỀ THỦ CÔNG VIỆT NAM

Nhiều nghề thủ công của nước ta đã có từ lâu. Qua khảo cứu dấu vết người vượn ở núi Đọ (Thanh Hóa) đã cho ta thấy hàng vạn công cụ đồ đá ghè đẽo thô sơ như mảnh tước, rìu tay, nạo... Những dấu vật khẳng định một giai đoạn đồ đá cũ của hàng ba, bốn vạn năm về trước. Qua những công cụ đó, ta thấy có dấu ấn lao động thủ công thô sơ của con người. Tới thời kỳ văn hóa Bắc Sơn¹ (buổi đầu thời đại đồ đá mới) ta thấy có rìu đá mài sớm xuất hiện trên thế giới và những đồ gốm đầu tiên được nặn bằng tay. Cạnh đó là công cụ bằng tre như gậy, lao, cung, tên, thùng bện... Tới nền văn hóa Hạ Long, ta thấy rìu có vai, rìu có nấc bằng đá mài cùng những đồ gốm có hoa văn trang trí nhiều vẻ... Như vậy ở nước ta, ngành thủ công sớm hình thành và có phần đóng góp đáng kể ngay từ thời văn hóa nguyên thủy.

¹ Lấy tên nơi tìm thấy di tích tiêu biểu nền văn hóa và đặt tên cho nền văn hóa đó.

Chúng ta đi dọc lịch sử quá trình hình thành Văn Lang đến nay, thì càng thấy rõ quá trình hình thành và phát triển ngành thủ công. Giai đoạn Phùng Nguyên (buổi đầu thời đại đồng thau) ta thấy có mũi rìu đá mài nhỏ, vòng đá, hạt chuỗi đá, chuỗi gọt tinh vi dọi xe chỉ, đồ đựng bằng đất nung...

Sang giai đoạn Đông Đậu (giữa thời đại đồng thau) đã có khuôn đúc rìu, mũi tên bằng đồng có ngạnh. Tới giai đoạn Gò Mun (thời đại đồng thau phát đạt) thì vô số công cụ sinh hoạt được đúc bằng đồng như lưỡi liềm, lưỡi câu, mũi tên... Thời đại đồng thau phát triển, là dấu vết cửa mở của thời kỳ nước Văn Lang, thời kỳ Hùng Vương lịch sử. Khi con người biết cấy lúa nước, thuần giống và chăn nuôi gia súc, cũng là lúc con cháu họ biết trồng gai, đay, trồng dâu chăn tằm, ươm tơ, dệt vải. Cả vùng đất bãi ven sông Đuống (Bắc Ninh) trồng dâu và được mang tên "Bộ lạc Dâu", chẳng đã minh chứng nghề tơ tằm có tự thời đó sao?! Ngoài công cụ sản xuất, đồ trang sức như vòng, nhẫn, hoa tai bằng đồng đã được gia công tới mức tinh vi, cùng dụng cụ âm nhạc như trống đồng, chuông, khèn... Những hoa văn trên gốm, trên vải dệt đã đạt mức khéo léo. Những ngôi nhà mái cong hình đuôi én dựng ven sông Mã, những thuyền bánh lái... là dấu vết bàn tay tài hoa của người thợ mộc. Dấu tích thời kỳ văn hóa Đông Sơn đã khẳng định rõ điều này. Trống đồng Ngọc Lũ và thạp đồng Đào Thịnh (khai quật ở Yên Bái) đã chứng minh trình độ thủ công của thời kỳ dựng nước thật là tinh xảo. Qua các dấu tích đó, ta cũng nhận thấy xã hội thời đó đã biết phân

công nhân lực, trao đổi kinh nghiệm lao động, hay nói cách khác là đã biết tổ chức lao động.

Khi nước Âu Lạc ra đời thì kĩ thuật rèn sắt càng phát triển. Ngay thế kỷ thứ III, người dân quanh vịnh Bắc Bộ đã biết dùng lưới sắt để khai thác san hô. Ở miền Nam, người ta còn bịt cựa gà chọi bằng sắt. Và ông tổ nghề rèn Lư Cao Sơn chẳng phải là bằng chứng của sự vận động, tạo hình nghề nghiệp đó sao?! Các nghề nung gạch, làm ngói cũng hình thành. Nghề làm giấy cũng đã phát triển. Các loại giấy dó, giấy trầm hương là sản phẩm thủ công thật quý. Năm 284, lái buôn La Mã mua ở nước ta 3 vạn tờ giấy trầm hương để dâng vua Tấn¹. Các nghề nấu thủy tinh, khảm xà cừ sơn then, thuốc da, làm nông cụ, nấu rượu... cũng phát triển mạnh.

Tới thời Lý, Trần, Lê ngành thủ công càng phát triển rực rỡ. Kĩ nghệ men gốm, dệt, điêu khắc, kiến trúc... đã lên tới đỉnh cao của một giai đoạn lịch sử. Nhiều sứ thần từ nước ngoài về nước, du nhập nhiều kinh nghiệm nghề nghiệp mới. Các phường, khóm thợ phát triển nơi nơi. Các làng nghề thủ công mọc dày thêm dọc triển sông Đuống, sông Hồng, sông Đáy... Kinh đô Thăng Long với ba mươi sáu phố phường là nơi tập trung nhiều ngành nghề tinh hoa. Các thể chế của nhà vua khuyến khích người thợ thủ công sản xuất. Các cửa khẩu bắt đầu mở rộng quan hệ buôn bán với nước ngoài. Trong sử sách từng ghi: “Năm 1040, Lý Thái Tông quyết định dùng gấm vóc trong nước để may lễ phục cho

¹ Lịch sử Việt Nam, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, 1971.

vua quan, không mua gấm vóc của nước ngoài nữa..." Thời Lê, Nhà nước đã ban hành thống nhất cách tính và kích thước một số hàng hóa như: vải, lụa, giấy¹ và cũng thời kỳ này, số lượng tơ xuất cảng ở miền Bắc có năm lên tới hàng nghìn tạ. Số lượng đường bán ra nước ngoài lên tới hàng vạn tạ/năm².

Thời kỳ thịnh vượng của ngành thủ công đó đã để lại những vùng quê thủ công như gốm Bát Tràng, gốm Thổ Hà, gốm Hương Canh... Những công trình kiến trúc đẹp, như: chùa Phật Tích, chùa Dạm, đình Đình Bảng, tháp Phổ Minh, thành Nhà Hồ, tháp Bình Sơn, khu Văn Miếu... là những bài ca bất hủ về tình yêu đất nước và sức sáng tạo của người thợ thủ công, ngân vang mãi với thời gian...

Thời chúa Trịnh, nhà Mạc, chúa Nguyễn, chiến tranh liên miên, nền kinh tế nước ta bị suy sụp. Các công nghệ đều bị trì trệ. Thuế khóa nặng nề. Các khóm, phường thợ tan rã. Đời sống người thợ thủ công lâm vào thời kỳ thật gian nan. Suốt thời Nguyễn, thủ công nghiệp của ta không có gì tiến triển. Tiếp đến chủ nghĩa tư bản phương Tây xâm nhập vào nước ta, nghề thủ công của ta lại càng tàn lụi, hàng hóa của tư bản Pháp như đường, rượu, vải, giấy... tràn ngập thị trường trong nước, chất lượng hàng có phần khá, giá hạ, nên phần lớn hàng thủ công của ta không cạnh tranh nổi. Ở các thành phố, lần lượt các nhà máy sản xuất đồ tiêu dùng mọc lên, các cửa hàng thủ công buộc phải

¹ Sdd, tập 1, tr 269.

² Sdd, tập 1, tr 296.

nhường chỗ hoặc phát triển theo hướng mới. Nhiều nghề bị phá sản, như nghề kéo sợi, nghề tơ lụa, nghề dệt vải... Những năm 1885, 1886, 1891... một số xí nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng của người Pháp xây dựng ở Sài Gòn và Hà Nội, hồng bóp nghẹt các lò, các xưởng thủ công. Tuy vậy, một số nghề thủ công vẫn tiếp tục phát triển vì máy móc tư bản không thể thay thế hoàn toàn được bàn tay khéo léo của người thợ. Nghề đan lát, mộc, gốm vẫn phát triển ngoài ý muốn của ngoại bang, bởi sản phẩm của nó được nhân dân ưa thích, vì vừa tiện, và vừa túi tiền người tiêu dùng.



Cho tới năm 1954, thủ công nghiệp miền Bắc nước ta bước sang một giai đoạn mới, được Nhà nước khuyến khích phát triển. Nhiều ngành nghề mới được phát triển. Nhiều nghề cổ truyền bị bỏ quên, nay lại được phục hồi.

Phong trào hợp tác hóa đã đưa những người thợ thủ công từ sản xuất cá thể sang sản xuất tập thể. Các tổ hợp tác và các hợp tác xã tiểu công nghiệp - thủ công nghiệp được thành lập. Và đến ngày 6/6/1961, đại hội đầu tiên của những người thợ thủ công toàn miền bắc được tổ chức, đã thông qua điều lệ và bầu ra Ban Chủ nhiệm Trung ương lãnh đạo toàn ngành. Từ đó, ngành tiểu công nghiệp - thủ công nghiệp có vị trí xứng đáng trong nền kinh tế quốc dân.